

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15
Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số thuế: 1402006437



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trình các báo cáo tài chính đã được kiểm toán phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày thành lập

Công ty được thành lập tại Đồng Tháp là công ty cổ phần vào 27 tháng 3 năm 2015.

Trụ sở đăng kí Số 720, Quốc lộ 30, Xã Mỹ Tân
Thành Phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: quản lý, bảo trì đường thủy; điều tiết, thanh thải chướng ngại vật, chống va trôi các cầu đảm bảo an toàn giao thông đường; hoa tiêu đường thủy; khảo sát đường thủy.

Kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại trang 7.

Các chỉ số tài chính của doanh nghiệp

| Các khoản mục | Đơn vị | 2020 | 2019 |
|--|--------|------|------|
| Cơ cấu tài sản và nguồn vốn | | | |
| 1.1 Cơ cấu tài sản | | | |
| Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 10% | 10% |
| Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 90% | 90% |
| 1.2 Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 62% | 68% |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 38% | 32% |
| Khả năng thanh toán | | | |
| 2.1 Tỷ lệ tổng tài sản so với tổng nợ phải trả | lần | 1,61 | 1,46 |
| 2.2 Tỷ lệ tài sản ngắn hạn so với nợ ngắn hạn | lần | 1,45 | 1,31 |
| 2.3 Tỷ lệ tiền mặt so với nợ ngắn hạn | lần | 0,64 | 0,17 |
| Tỷ lệ lợi nhuận | | | |
| 3.1 Lợi nhuận/doanh thu | | | |
| a. Lợi nhuận trước thuế/doanh thu | % | 8% | 6% |
| b. Lợi nhuận sau thuế/doanh thu | % | 7% | 5% |
| 3.2 Lợi nhuận/tổng tài sản | | | |
| a. Lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản | % | 11% | 8% |
| b. Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản | % | 10% | 6% |
| 3.3 Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu | % | 26% | 20% |

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

| | |
|------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Đình Thi | Chủ tịch |
| Ông Đỗ Trần Phú | Thành viên |
| Bà Võ Hoàng Tiểu Quyên | Thành viên |
| Ông Dương Thái Điền | Thành viên |
| Ông Nguyễn Công Chính | Thành viên |

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

| | |
|-----------------------|------------|
| Bà Võ Thị Hồng Nhung | Trưởng ban |
| Ông Phạm Quang Thanh | Thành viên |
| Bà Trương Thị Yến Nga | Thành viên |

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

| | |
|------------------------|----------------|
| Ông Đỗ Trần Phú | Giám đốc |
| Ông Nguyễn Công Chính | Phó giám đốc |
| Bà Võ Hoàng Tiểu Quyên | Kế toán trưởng |

Vốn góp

Thông tin chi tiết về biến động của số vốn góp của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày trong thuyết minh số 11 của các báo cáo tài chính.

Kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán VINASC là kiểm toán viên của Công ty.

Báo cáo của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán đính kèm, các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cùng các thuyết minh đính kèm, đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đình Thi
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam, ngày 16 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản Lý Bảo Trì Đường Thủy Nội Địa Số 15 ("Công ty") được lập ngày 16 tháng 03 năm 2021, từ trang 5 đến trang 19, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chi phí sản xuất dở dang của Công ty đang ghi nhận khoản chi phí xây dựng các công trình đã ngừng thi công từ giai đoạn trước khi cổ phần hóa với số tiền 153.457.572 VND. Các hồ sơ liên quan cho thấy, nếu ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được thì khoản mục Hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán sẽ giảm đi 153.457.572 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu Giá vốn cung cấp dịch vụ sẽ tăng 153.457.572 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản Lý Bảo Trì Đường Thủy Nội Địa Số 15 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán VINASC
Đỗ Thành Tân
Phó giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 4122-2018-282-1

Lâm Thị Thủy Kiều
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 1812-2019-282-1

Báo cáo kiểm toán số: HCM-AU/23/2021/D15

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, ngày 16 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Các thuyết minh đính kèm là một phần không tách rời của các báo cáo tài chính

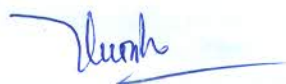
| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2020 VND | 31/12/2019 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 26.569.771.748 | 28.724.552.103 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 3 | 11.718.506.642 | 3.685.124.522 |
| Tiền | 111 | | 11.718.506.642 | 3.685.124.522 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 14.552.024.095 | 24.630.393.032 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 4 | 14.121.773.870 | 24.066.383.087 |
| Các khoản phải thu khác | 136 | 5 | 430.250.225 | 564.009.945 |
| Hàng tồn kho | 140 | | 232.773.372 | 358.410.873 |
| Hàng tồn kho | 141 | 6 | 232.773.372 | 358.410.873 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 66.467.639 | 50.623.676 |
| Thuế và các khoản phải thu từ Nhà Nước | 153 | | 66.467.639 | 50.623.676 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 3.071.222.403 | 3.293.953.846 |
| Tài sản cố định | 220 | | 3.071.222.403 | 3.293.953.846 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 7 | 3.071.222.403 | 3.293.953.846 |
| Nguyên giá | 222 | | 10.449.953.963 | 10.012.135.781 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (7.378.731.560) | (6.718.181.935) |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 29.640.994.151 | 32.018.505.949 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (TIẾP THEO)

Các thuyết minh đính kèm là một phần không tách rời của các báo cáo tài chính

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2020 VND | 31/12/2019 VND |
|-------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 18.359.152.558 | 21.909.836.223 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 18.359.152.558 | 21.909.836.223 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 8 | 2.340.186.124 | 7.705.666.624 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 95.204.000 | 37.704.000 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 9 | 3.212.526.388 | 2.343.426.236 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 11.091.446.574 | 10.203.249.891 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 10 | 1.619.789.472 | 1.619.789.472 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 11.281.841.593 | 10.108.669.726 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | | 11.281.841.593 | 10.108.669.726 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 11 | 7.402.560.000 | 7.402.560.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 166.904.137 | 166.904.137 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 622.599.680 | 240.781.498 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 208.156.909 | 288.482.212 |
| LNST chưa phân phối | 421 | | 2.881.620.867 | 2.009.941.879 |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 2.881.620.867 | 2.009.941.879 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 29.640.994.151 | 32.018.505.949 |

Người lập:



Võ Hoàng Tiểu Quyên
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Đình Thi
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam, ngày 16 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Các thuyết minh đính kèm là một phần không tách rời của các báo cáo tài chính

| | Mã số | Thuyết minh | 2020 VND | 2019 VND |
|--|-----------|-------------|----------------------|----------------------|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 01 | 12 | 40.402.744.155 | 43.932.757.202 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ | 10 | 12 | 40.402.744.155 | 43.932.757.202 |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp | 11 | 13 | (30.821.978.619) | (36.178.086.001) |
| Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ | 20 | | 9.580.765.536 | 7.754.671.201 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 14 | 335.359.288 | 20.952.258 |
| Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| <i>Bao gồm : chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | - |
| Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 16 | (6.198.222.971) | (5.029.959.949) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 3.717.901.853 | 2.745.663.510 |
| Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| Chi phí khác | 32 | 15 | (315.774.726) | (186.588.929) |
| Lỗ khác | 40 | | (315.774.726) | (186.588.929) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 3.402.127.127 | 2.559.074.581 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 17 | (520.506.260) | (549.132.702) |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 2.881.620.867 | 2.009.941.879 |

Người lập:



Võ Hoàng Tiểu Quyên
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Đình Thi
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam, ngày 16 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Các thuyết minh đính kèm là một phần không tách rời của các báo cáo tài chính

| | Mã số | Thuyết minh | 2020 VND | 2019 VND |
|--|-------|-------------|----------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 3,402,127,127 | 2,559,074,581 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 660,549,625 | 615,890,722 |
| Lãi từ các hoạt động đầu tư | 05 | | (335,359,288) | (20,952,258) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 3,727,317,464 | 3,154,013,045 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| Giảm (tăng) các khoản phải thu | 09 | | 10,062,524,974 | (15,162,893,132) |
| Giảm hàng tồn kho | 10 | | 125,637,501 | 131,662,761 |
| Giảm (tăng) các khoản phải trả và các khoản nợ khác | 11 | | (3,578,930,432) | 9,858,896,823 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (492,259,493) | (438,319,883) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (683,308,182) | (307,000,000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 9,160,981,832 | (2,763,640,386) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (56,000,000) | (392,000,000) |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | 13,000,000,000 | - |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | (13,000,000,000) | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 335,359,288 | 20,952,258 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 279,359,288 | (371,047,742) |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (TIẾP THEO)
Các thuyết minh đính kèm là một phần không tách rời của các báo cáo tài chính

| | Mã số | Thuyết minh | 2020 VND | 2019 VND |
|---|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (1,406,959,000) | (1,114,664,903) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (1,406,959,000) | (1,114,664,903) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 8,033,382,120 | (4,249,353,031) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 3,685,124,522 | 7,934,477,553 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 03 | 11,718,506,642 | 3,685,124,522 |

Người lập:



Võ Hoàng Tiểu Quyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đình Thi
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam, ngày 16 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Các thuyết minh này là một phần không thể tách rời và nên đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Công ty Cổ phần Quản Lý Bảo Trì Đường Thủy Nội Địa Số 15 ("Công ty"), một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 1402006437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27 tháng 03 năm 2015, điều chỉnh sau cùng lần thứ nhất ngày ngày 08 tháng 06 năm 2017.

Các hoạt động chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: quản lý, bảo trì đường thủy; điều tiết, thanh thải chướng ngại vật, chống va trôi các cầu đảm bảo an toàn giao thông đường; hoa tiêu đường thủy; khảo sát đường thủy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp và theo định nghĩa của Luật Doanh nghiệp Việt Nam tương ứng là 7.402.560.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 78 nhân viên (2019: 70 nhân viên).

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Cơ sở kế toán tổng quát

Các báo cáo tài chính được trình bày với đơn vị Đồng Việt Nam ("VND") được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, các báo cáo tài chính và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán trong năm và nhất quán với các chính sách đã được áp dụng trong năm trước.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đòi hỏi Ban Giám đốc phải đưa ra các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến giá trị tài sản và công nợ, đến việc trình bày các khoản mục tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính và doanh thu và chi phí phát sinh trong năm tài chính. Kết quả thực tế có thể có sự khác biệt so với các ước tính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (TIẾP THEO)**

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Các giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Các giao dịch làm phát sinh các khoản nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Các giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kì hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao với thời gian đáo hạn dưới 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá vốn bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (TIẾP THEO)**

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận trên cơ sở nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Tài sản cố định hữu hình được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá và ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá TSCĐ hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| • nhà cửa | 06 – 50 năm |
| • máy móc và thiết bị | 06 – 10 năm |
| • phương tiện vận chuyển | 10 – 15 năm |

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hiện hành phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được phê duyệt bởi Ban Giám đốc Công ty.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp thể hiện số vốn thực tế đã góp bởi chủ đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (TIẾP THEO)**

Ghi nhận doanh thu

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên tỷ lệ công việc thực tế đã thực hiện trên tổng khối lượng công việc cần hoàn thành. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu đã đến hạn.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp và cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều trung gian kiểm soát hoặc kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung của một công ty, bao gồm công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên kết. Các tổ chức và các cá nhân sở hữu, trực tiếp hay gián tiếp có quyền biểu quyết ảnh hưởng quan trọng trong việc kinh doanh của công ty, các cá nhân tham gia điều hành công ty cấp cao bao gồm các giám đốc và các nhân viên trong công ty cũng như người thân của các cá nhân này cùng các công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Việc xác định các mối quan hệ với các bên liên quan phụ thuộc trực tiếp đến bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

Số dư bằng không

Các tài khoản hoặc khoản mục có số dư bằng không theo Chế độ Kế toán Việt Nam sẽ không được phản ánh trên báo cáo tài chính.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2020 VND | 31/12/2019 VND |
|--|-----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 113.305.430 | 23.409.272 |
| Tiền gửi ngân hàng | 11.605.201.212 | 3.661.715.250 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 11.718.506.642 | 3.685.124.522 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (TIẾP THEO)**

4. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2020 VND | 31/12/2019 VND |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ngắn hạn | | |
| <i>Phải thu từ khách hàng</i> | | |
| Cục Đường thủy nội địa Việt Nam | 13.487.642.790 | 23.252.960.348 |
| Cty CP Quản lý Đường Sông Số 2 | 352.434.239 | 352.434.239 |
| Cty CP XD Công trình Trường Lộc | 101.603.000 | 178.617.000 |
| Đối tượng khác | 180.093.841 | 282.371.500 |
| TỔNG CỘNG | 14.121.773.870 | 24.066.383.087 |

5. PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2020 VND | | 31/12/2019 VND | |
|---------------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | | | | |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 19.770.198 | - | 151.260.198 | - |
| Tạm ứng cho nhân viên | 170.972.243 | - | 177.959.243 | - |
| Đặt cọc, ký cược, ký quỹ | 239.507.784 | - | 234.790.504 | - |
| TỔNG CỘNG | 430.250.225 | - | 564.009.945 | - |

6. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2020 VND | | 31/12/2019 VND | |
|--|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 51.433.850 | - | 51.495.728 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang(*) | 153.457.573 | - | 306.915.145 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 27.881.949 | - | - | - |
| TỔNG CỘNG | 232.773.372 | - | 358.410.873 | - |

(*) Số dư này phản ánh giá trị dở dang của các công trình đã ngừng thi công từ năm 2009 (năm 2019 số dư là 360.915.145 VND), trong năm 2020 đã xử lý 153.457.573 VND vào chi phí khác, số dư năm 2020 là 153.457.572 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (TIẾP THEO)**

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyên VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|----------------------|----------------------------|----------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.922.584.350 | 608.536.700 | 6.481.014.731 | 10.012.135.781 |
| Tăng trong năm | - | 56.000.000 | 381.818.182 | 437.818.182 |
| Số dư cuối năm | 2.922.584.350 | 664.536.700 | 6.862.832.913 | 10.449.953.963 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.723.264.635 | 198.983.459 | 4.795.933.841 | 6.718.181.935 |
| Khấu hao trong năm | 98.605.594 | 144.666.712 | 417.277.319 | 660.549.625 |
| Số dư cuối năm | 1.821.870.229 | 343.650.171 | 5.213.211.160 | 7.378.731.560 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.199.319.715 | 409.553.241 | 1.685.080.890 | 3.293.953.846 |
| Số dư cuối năm | 1.100.714.121 | 320.886.529 | 1.649.621.753 | 3.071.222.403 |

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2020 VND | | 31/12/2019 VND | |
|----------------------------------|----------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngắn hạn | | | | |
| <i>Phải trả người bán</i> | | | | |
| Cty TNHH XD Kiến Ngân | 214.200.000 | 214.200.000 | 2.289.952.000 | 2.289.952.000 |
| Cty TNHH XDTB Hưng Việt | 482.764.800 | 482.764.800 | 825.464.800 | 825.464.800 |
| Cty TNHH SXTM CK Trí Trung | - | - | 2.389.950.000 | 2.389.950.000 |
| Cty TNHH TVXD Thái Thắng | 148.500.000 | 148.500.000 | 1.375.576.000 | 1.375.576.000 |
| Cty TNHH MTV TVTK XD Hiệp Hòa | 511.256.000 | 511.256.000 | 49.500.000 | 49.500.000 |
| Cty CP QLBT ĐTNĐ số 10 | 791.000.000 | 791.000.000 | - | - |
| Đối tượng khác | 192.465.324 | 192.465.324 | 775.223.824 | 775.223.824 |
| TỔNG CỘNG | 2.340.186.124 | 2.340.186.124 | 7.705.666.624 | 7.705.666.624 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (TIẾP THEO)**

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2019 | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | 31/12/2020 |
|----------------------------|----------------------|--------------------------|-----------------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 2.043.834.897 | 2.918.992.608 | 2.078.139.223 | 2.884.688.282 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 299.591.339 | 520.506.260 | 492.259.493 | 327.838.106 |
| TỔNG CỘNG | 2.343.426.236 | 3.439.498.868 | 2.570.398.716 | 3.212.526.388 |
| Phải thu | | | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 50.623.676 | 264.769.954 | 280.613.917 | 66.467.639 |
| TỔNG CỘNG | 50.623.676 | 264.769.954 | 280.613.917 | 66.467.639 |

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2020 | 31/12/2019 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | | |
| Tiền đã thu theo bản án sơ thẩm 21/HSST | 589.474.425 | 589.474.425 |
| Ông Phan Văn Phúc | 460.000.000 | 460.000.000 |
| Bù đắp khấu hao giai đoạn chưa chuyển đổi | 451.833.553 | 451.833.553 |
| Phải trả ngân sách | 118.481.494 | 118.481.494 |
| TỔNG CỘNG | 1.619.789.472 | 1.619.789.472 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (TIẾP THEO)**

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm như sau:

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Vốn khác VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | LNST chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------------|----------------------------|--------------------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Số dư tại 01/01/2019 | 7.402.560.000 | 166.904.137 | 240.781.498 | 197.487.808 | - | 8.007.733.443 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 2.009.941.879 | 2.009.941.879 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 90.994.404 | - | 90.994.404 |
| Số dư tại 01/01/2020 | 7.402.560.000 | 166.904.137 | 240.781.498 | 288.482.212 | 2.009.941.879 | 10.108.669.726 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 2.881.620.867 | 2.881.620.867 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 381.818.182 | 301.492.879 | (301.492.879) | 381.818.182 |
| Cổ tức phải trả năm 2019 | - | - | - | - | (1.406.959.000) | (1.406.959.000) |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (301.490.000) | (301.490.000) |
| Trích từ quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | (381.818.182) | - | (381.818.182) |
| Số dư tại 31/12/2020 | 7.402.560.000 | 166.904.137 | 381.818.182 | 208.156.909 | 2.881.620.867 | 11.281.841.593 |

Vốn điều lệ được duyệt và vốn đã góp của Công ty như sau:

| | Được duyệt | | Đã góp | | |
|--|----------------------|-------------|----------------|----------------------|-------------|
| | VND | % | Số cổ phần | Tương đương VND | % |
| TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước- CN Phía Nam | 3.867.220.000 | 52% | 386.722 | 3.867.220.000 | 52% |
| Trương Thị Yến Nga | 1.423.320.000 | 19% | 142.332 | 1.423.320.000 | 19% |
| Các cổ đông khác | 2.112.020.000 | 29% | 211.202 | 2.112.020.000 | 29% |
| | 7.402.560.000 | 100% | 740.256 | 7.402.560.000 | 100% |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (TIẾP THEO)**

12. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2020 VND | 2019 VND |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tổng doanh thu | | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 40.402.744.155 | 43.932.757.202 |
| Doanh thu thuần | 40.402.744.155 | 43.932.757.202 |

13. GIÁ VỐN DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

| | 2020 VND | 2019 VND |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 30.821.978.619 | 36.178.086.001 |
| TỔNG CỘNG | 30.821.978.619 | 36.178.086.001 |

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2020 VND | 2019 VND |
|------------------|--------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi | 335.359.288 | 20.952.258 |
| TỔNG CỘNG | 335.359.288 | 20.952.258 |

15. CHI PHÍ KHÁC

| | 2020 VND | 2019 VND |
|--|--------------------|--------------------|
| Nộp kinh phí theo kết luận, kiến nghị của KTNN | 162.361.865 | - |
| Chi phí công trình ngừng thi công | 153.457.573 | 153.457.573 |
| Điều chỉnh phần phạt chậm nộp thuế TNCN | (44.712) | - |
| Chi phí khác | - | 33.131.356 |
| TỔNG CỘNG | 315.774.726 | 186.588.929 |

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 2020 VND | 2019 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Chi phí khấu hao | 177.213.782 | 177.512.399 |
| Chi phí nhân công quản lý | 2.071.184.672 | 1.893.578.384 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 93.914.130 | 131.541.375 |
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 3.855.910.387 | 2.827.327.791 |
| TỔNG CỘNG | 6.198.222.971 | 5.029.959.949 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (TIẾP THEO)**

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế TNDN sửa đổi mới nhất số 32/2013/QH13 ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2013, mức thuế suất thuế TNDN chung giảm từ 25% xuống 22% cho các năm 2014 và 2015, và 20% cho các năm tiếp theo. Do vậy, Công ty áp dụng thuế suất TNDN chung mới sau khi giai đoạn ưu đãi thuế trên chấm dứt.

Chi phí thuế hiện hành

Đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế với lợi nhuận chịu thuế như sau:

| | 2020 VND | 2019 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 3.402.127.127 | 2.559.074.581 |
| Các khoản điều chỉnh: | | |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 315.774.726 | 186.588.929 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 315.774.726 | 186.588.929 |
| Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm hiện hành | 3.717.901.853 | 2.745.663.510 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính theo thuế suất thuế TNDN phù hợp | | |
| Chi phí thuế theo thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động kinh doanh chính | 20% 743.580.371 | 549.132.702 |
| Ảnh hưởng của ưu đãi thuế (Nghị định 114/2020/NĐ-CP) | 30% 223.074.111 | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 520.506.260 | 549.132.702 |

Việc tính toán chi phí thuế TNDN hiện hành phụ thuộc vào kết quả kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Người lập:



Võ Hoàng Tiểu Quyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đình Thi
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam, ngày 16 tháng 03 năm 2021